



PETROLIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

(Mã chứng khoán PJT)

Tầng 7, Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP. HCM

ĐT: 3.8991101, Fax: 3.5121775

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

TP. Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2014



PETROLIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
(Mã chứng khoán PJT)
Tầng 7, Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 3.8991101, Fax: 3.5121775

Mục lục

Phần A: TỔNG QUAN CÔNG TY	3
I. Thông tin chung	3
II. Quá trình hình thành và quá trình phát triển	3
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
IV. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	6
V. Định hướng phát triển	5
VI. Các rủi ro	8
Phần B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
I. Tình hình sản xuất kinh doanh	8
II. Tổ chức và nhân sự	9
III. Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án	13
IV. Cơ cấu cổ đông	13
Phần C: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	14
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
II. Tình hình tài chính – Công nợ	16
III. Định hướng thực hiện kế hoạch	16
Phần D: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
I. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	18
II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	18
III. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	18
Phần Đ: QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
I. Hội đồng quản trị Công ty	19
II. Ban kiểm soát	19
III. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	20
Phần E: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	20



PETROLIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
(Mã chứng khoán PJT)
Tầng 7, Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 3.8991101, Fax: 3.5121775

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Phần A. TỔNG QUAN CÔNG TY

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên giao dịch tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**
- Tên giao dịch đối ngoại: **PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY**
- Tên viết tắt: **PJTACO**
- Trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 3 899 1101 Fax: (84.8) 3 512 1775
- Email : pjtaco@pjtaco.com.vn
- Website : <http://www.pjtaco.petrokimex.com.vn>
- Mã cổ phiếu : **PJT**

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1) Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Vận tải xăng dầu đường sông, được thành lập từ cơ sở sáp nhập Xí Nghiệp Sửa chữa tàu Bình Chánh và bộ phận vận tải xăng dầu đường sông của Công ty Vận tải xăng dầu (VITACO) trực thuộc Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam. (Nay là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam). Ngành nghề kinh doanh chính là sửa chữa tàu, đóng tàu và vận tải xăng dầu đường sông.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, năm 1999 Xí nghiệp Vận tải xăng dầu đường sông được chuyển thành Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex theo Quyết định số 151/1999/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính Phủ. Công ty là thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 13,5 tỷ đồng, trong đó Tập đoàn xăng dầu Việt Nam góp 30%, phần còn lại là của các cổ đông trong công ty và của các cổ đông khác ở các đơn vị trong cùng tập đoàn.

Năm 1999 khi Công ty thành lập, vốn điều lệ là 13,5 tỷ đồng. Với mức vốn này không đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động của công ty, gây không ít khó khăn cho sự phát triển của công ty.

Năm 2003, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 14,596 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 35% vốn điều lệ.

Năm 2004, vốn điều lệ của công ty là 19,370 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21% vốn điều lệ.

Năm 2006, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 35 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21% vốn điều lệ.

Ngày 28/12/2006 cổ phiếu của Công ty (PJT) được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Năm 2008, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 70 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21 % vốn điều lệ.

Năm 2009, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 84 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam (Năm 2012 là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam) chiếm 51,21 % vốn điều lệ.

Năm 2013, vốn điều lệ Công ty tăng lên 96.599.020.000 đồng, trong đó Tập đoàn xăng dầu Việt Nam chuyển giao quyền quản lý vốn Nhà nước sang cho Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex (thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam), Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex trở thành cổ đông chi phối với tỷ lệ sở hữu cổ phần là 51,21 % vốn điều lệ.

2) Những sự kiện quan trọng khác:

Bên cạnh việc duy trì các hoạt động kinh doanh truyền thống như sửa chữa tàu, đóng tàu và vận tải xăng dầu đường sông nội địa và quốc tế (Campuchia). Năm 2000, Công ty tiến bước vào thị trường vận tải xăng dầu ven biển. Đây là một quyết định mang ý nghĩa đột phá, nhờ đó Công ty đã có những bước phát triển mạnh cả về lượng và về chất. Năm 2013, Công ty lần đầu tiên sở hữu, quản lý khai thác một tàu biển chở dầu trọng tải 7.725 DWT đạt tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật của cảng dầu quốc tế.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1) Vận tải xăng dầu ven biển Việt Nam:

Năm 2000, Công ty đã đầu tư hoán cải hai tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 750 tấn và 338 tấn;

Năm 2003, tiếp tục đầu tư hoán cải một tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 600 tấn.

Năm 2004 Công ty đầu tư mua một tàu chạy ven biển có trọng tải 700 tấn;

Năm 2006 Công ty đầu tư mua một tàu ven biển trọng tải hơn 2.000 tấn,

Năm 2008 Công ty đầu tư mua 01 tàu ven biển vận chuyển hàng khô có trọng tải 3.242 tấn và 01 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển có trọng tải 1.600 tấn.

Năm 2010 Công ty đầu tư mua 02 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển: Tàu Long Phú 03 trọng tải 1700 DWT và tàu Long Phú 04 có trọng tải 2.800 DWT.

Năm 2011 Công ty bán tàu biển vận tải hàng khô trọng tải 3.242 tấn để tập trung lĩnh vực vận tải xăng dầu các loại, không tham gia vận tải các loại hàng khác.

Năm 2012, Công ty đầu tư mua thêm 3 tàu chở xăng dầu trong đó có 01 tàu biển Long Phú 09 trọng tải 4.993 DWT.

Năm 2013, Công ty thanh lý tàu Long Phú 02, đầu tư mua nhập khẩu tàu Long Phú 10 trọng tải 7.725 DWT.

Đến nay đội tàu vận chuyển xăng dầu đường biển của Công ty hoạt động đạt hiệu quả cao, đã cho thấy rằng chiến lược đầu tư phát triển vận tải ven biển của công ty là đúng hướng.

2) Vận tải xăng dầu đường thủy:

Ngoài ra, để phát triển thị trường vận tải đường thủy và nâng cao chất lượng đội tàu, năm 2003 công ty đã đầu tư mua hai tàu sông có trọng tải 1.000 tấn/ chiếc có chất lượng và tính năng kỹ thuật cao; năm 2006 công ty đầu tư đóng 02 tàu sông trọng tải 1000 tấn/chiếc, năm 2007 công ty đầu tư đóng 01 tàu sông trọng tải 1400 tấn (các tàu đều do Công ty đóng). Năm 2011, Công ty đầu tư mua 01 tàu sông chở xăng dầu, trọng tải 1.200 tấn; Năm 2012 mua thêm 02 tàu sông Hàm Luông 12, Hàm Luông 14 mỗi chiếc trọng tải 720DWT.

Năm 2013, nguồn hàng vận tải đường sông sụt giảm mạnh do các chủ hàng đầu mối thay đổi cơ cấu tạo nguồn, năng lực đội tàu sông của Công ty dư thừa 70%. Công ty thực hiện bán thanh lý các tàu già, trọng tải nhỏ: Hàm Luông 05, Hàm Luông 06, Hàm Luông 07.

3) Ngành kinh doanh dịch vụ cơ khí và xử lý chất thải:

Bên cạnh việc phát triển về kinh doanh vận tải xăng dầu, công ty tiếp tục phát triển và mở rộng thị trường sửa chữa tàu-đóng tàu, tăng cường công tác tiếp thị, xây dựng giá thành có tính cạnh tranh đối với các đơn vị khác. Để tăng tính chủ động trong kinh doanh cho Xí nghiệp Sửa chữa đóng tàu Bình Chánh, công ty đã quyết định nâng cấp từ hạch toán báo sổ thành hạch toán kế toán phụ thuộc và đổi tên thành Xí nghiệp đóng tàu - thương mại Petrolimex. Năm 2008 thành lập Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex (hoạt động từ 01-01-2008) trên cơ sở Xí nghiệp đóng tàu - thương mại Petrolimex.

Tháng 4/2005, Công ty đầu tư san lấp mặt bằng và cơ sở hạ tầng cho khu đất rộng 20.000 m² tại Bờ Bàng, Phú Xuân, Nhà Bè và thành lập Xưởng Sửa chữa tàu Phú Xuân. Nay là Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên đóng và thương mại Petrolimex. Năm 2008 Công ty đầu tư xây dựng 01 đường triển tại Xưởng Phú Xuân Nhà Bè để phục vụ cho sửa chữa tàu và đóng tàu. Năm 2012, Trung tâm xử lý chất thải nhiễm dầu tại xưởng Phú Xuân đi vào hoạt động và đã đóng góp vào lợi nhuận chung của Công ty.

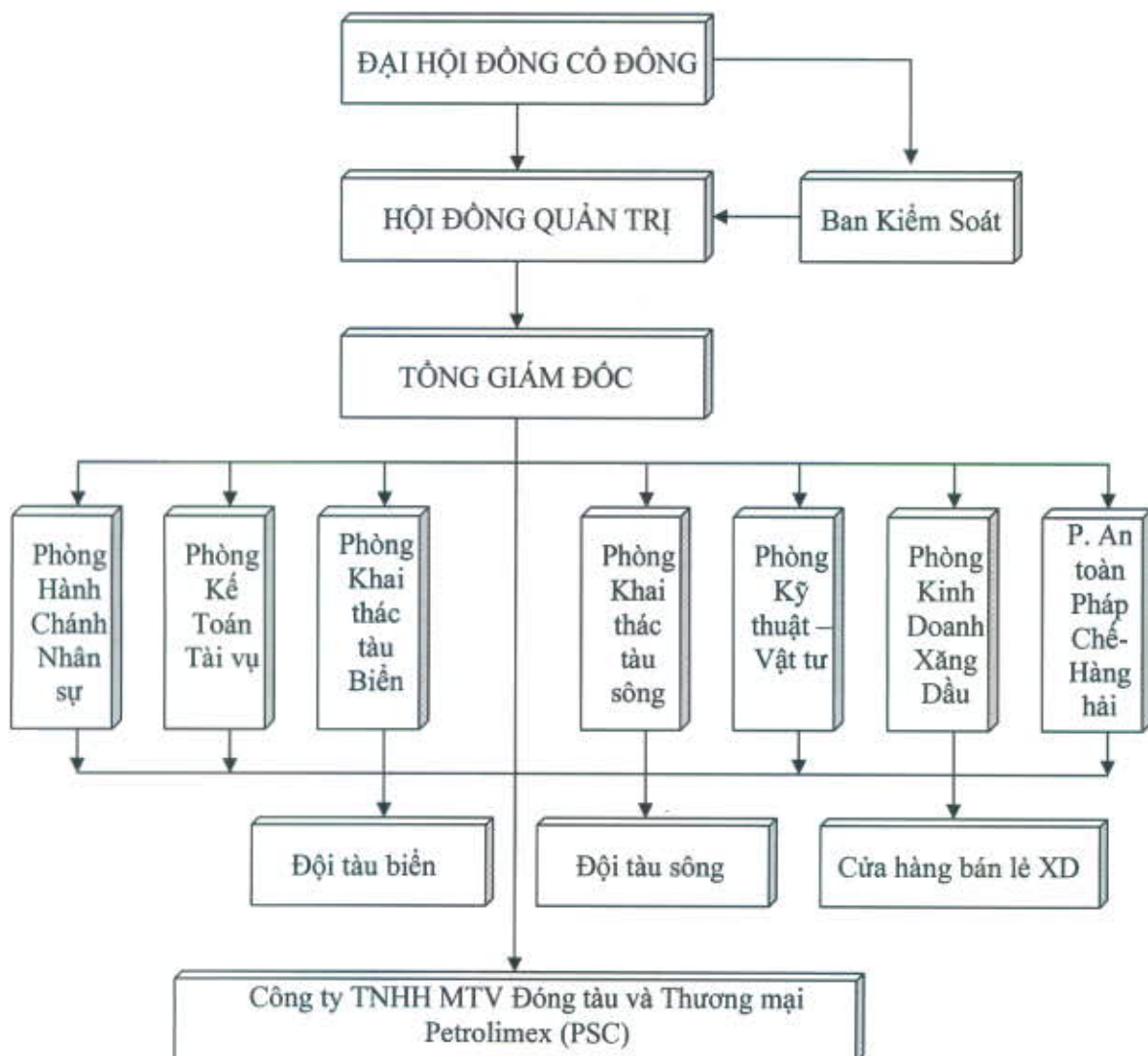
4) Ngành kinh doanh xăng dầu:

Trên cơ sở Phòng Thương mại và lợi thế của đội tàu vận tải xăng dầu, ngày 01/01/2005, Hội đồng quản trị công ty đã ra quyết định thành lập "Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải

xăng dầu đường thủy Petrolimex” hạch toán kế toán phụ thuộc, tháng 08-2006 chuyển thành Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex chuyên kinh doanh xăng dầu, cung cấp xăng dầu cho các tàu vận tải, các hộ công nghiệp và có 3 cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Năm 2010 Công ty trả lại mặt bằng, chấm dứt hoạt động 1 cửa hàng bán lẻ tại quận 9 thành phố Hồ Chí Minh vì không có hiệu quả. Năm 2010, Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex hoạt động thua lỗ, mất vốn vì vậy Hội đồng Quản trị quyết định tạm ngừng các hoạt động kinh doanh, để giải quyết dứt điểm các công nợ, chuyển 2 cửa hàng bán lẻ xăng dầu cho Công ty mẹ quản lý. Năm 2013, Công ty hoàn thành thủ tục giải thể Công ty Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải Petrolimex theo quy định của pháp luật.

IV. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ:

1. Mô hình quản trị:



- 02 cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại Gò Vấp và Long An.
- Các Công ty liên quan:

+ Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex (thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam) nắm giữ 51,21 % Vốn điều lệ của Công ty.

2. Công ty con: Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex

- Địa chỉ: 70 Đường 20, Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sửa chữa, đóng mới các phương tiện thủy.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 10.000.000.000 đồng

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

Duy trì, phát triển uy tín, hình ảnh, thương hiệu PJTACO trên thương trường.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Định hướng chiến lược phát triển công ty là xây dựng công ty theo mô hình công ty mẹ, công ty con.

2.1. Chiến lược phát triển công ty mẹ:

Định hướng chiến lược phát triển Công ty mẹ với các ngành kinh doanh chủ lực là:

Vận tải xăng dầu đường biển và đường sông nội địa, đường sông quốc tế. Xây dựng và phát triển mô hình công ty hiện nay thành một doanh nghiệp mang tính chuyên nghiệp cao về vận tải xăng dầu đường biển, đường sông nội địa, đường sông quốc tế, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và trở thành doanh nghiệp đứng đầu về vận tải nội địa và Campuchia.

Cùng cố, mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân là đối tác chiến lược về thị trường hàng hóa nội địa và quốc tế, tăng cường liên kết, mời gọi đầu tư. Để đáp ứng các yêu cầu về chiến lược phát triển, công ty phải xây dựng chính sách thu hút mời gọi các cổ đông chiến lược về thị trường, quản lý, nhân sự, thương hiệu, tham gia góp vốn/ liên doanh liên kết để nâng quy mô của công ty lớn hơn hiện nay. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, trình độ và công nhân có tay nghề cao.

Công ty đã và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn Bộ luật ISM Code của tổ chức hàng hải quốc tế cho đội tàu của Công ty, đáp ứng các yêu cầu quản lý của Nhà nước và của các cảng dầu quốc tế.

2.2. Chiến lược phát triển các công ty thành viên:

Ngành kinh doanh chủ yếu là đóng mới phương tiện thủy, cơ khí sửa chữa, xử lý chất thải nhiễm dầu và các dịch vụ liên quan đến ngành vận tải xăng dầu.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Là một công ty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đến nhân tố con người, xác định đây là yếu tố quan trọng giúp cho công ty phát triển, tuyển chọn những người có năng lực, trình độ và có tâm huyết với công ty. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, tuyển chọn người có năng lực trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ và lao động của công ty; chăm lo đời sống, điều kiện làm việc, thực hiện chế độ chính sách cho người lao động. Đồng thời Công ty tích cực tham gia các công tác xã hội, vì cộng đồng, xã hội.

VI. CÁC RỦI RO:

- Vận tải đường thủy chịu tác động của điều kiện thiên nhiên như: mưa, bão, lũ lụt. Các yếu tố thiên nhiên diễn ra không tuân theo một quy luật nhất định nào. Đặc biệt trong điều kiện thời tiết khí hậu hiện nay có nhiều biến đổi bất thường. Trong quá trình vận chuyển đôi khi rủi ro đâm ra và trục trặc kỹ thuật vẫn có khả năng xảy ra. Các tàu biển hoạt động tương đối độc lập giữa vùng không gian rộng lớn, nếu xảy ra sự cố thì có thể việc cứu hộ, cứu nạn rất khó khăn. Đối tượng hàng hóa vận chuyển của Công ty là xăng dầu nên trị giá chuyên dụng và giá trị hàng hóa mà nó vận chuyển là rất lớn, các nguy cơ như cháy nổ, ô nhiễm môi trường nên nếu rủi ro xảy ra tổn thất là khôn lường.

- Để giảm thiểu nguy cơ hàng hải đồng thời kịp thời khắc phục kịp thời những rủi ro, tổn thất nếu xảy ra, Công ty thực hiện hiện đại hoá, nâng cao chất lượng các đội tàu, thực hiện chính sách quản lý an toàn theo Bộ luật ISM Code và thực hiện mua bảo hiểm cho con người, đội tàu, hàng hóa và môi trường.

Phần B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Đặc điểm tình hình:

a) Khó khăn:

- Năm 2013, kinh tế thế giới và trong nước chưa thoát khỏi suy thoái, cung cầu xã hội giảm do giá cả tăng cao, doanh nghiệp kinh doanh gặp nhiều khó khăn;
- Thị trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng khốc liệt và thay đổi nhanh chóng; Giá vận tải giảm mạnh so với năm 2012;
- Một bộ phận cơ sở vật chất của Công ty nói chung cũ kỹ, lạc hậu trong khi nguồn vốn để đầu tư hạn chế.

b) Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ rất lớn của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex và các đơn vị trong Hệ thống Petrolimex về thị trường, hàng hóa, tài chính và thương hiệu Petrolimex.
- Được sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Hội đồng Quản trị Công ty, Đảng ủy khối Doanh nghiệp thương mại TW tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tổ chức điều hành Công ty một cách khoa học, sáng tạo, phù hợp với sự thay đổi của thị trường kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi ích cho Công ty.
- Công ty đã có sự tích lũy về tài chính, đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng các nhu cầu phát triển.

2. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2013:

Năm 2013 với sự nỗ lực chung của lực lượng sản xuất nên Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch:

a) Về sản lượng:

- **Kinh doanh vận tải:** Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu là do:
 - + Định tuyến khai thác hợp lý, giảm khai thác tuyến ngắn, tăng khai thác các tuyến dài nên sản lượng luân chuyển đạt cao; Đồng thời khai thác, mở rộng thị trường ngoài ngành.
 - + Do tháng 5/2013, Công ty hoàn thành dự án đầu tư tàu Long Phú 10 trọng tải 7.725 DWT và đưa vào khai thác nhưng trong kế hoạch sản lượng, doanh thu năm 2013, Công ty không xây dựng kế hoạch khai thác cho tàu mới đầu tư nên sản lượng vận chuyển tăng 27,7%; sản lượng luân chuyển tăng 58,5%.
- **Kinh doanh xăng dầu:** sản lượng chỉ đạt 72% do Công ty chủ động hạn chế bán buôn vì điều kiện thanh toán là trả chậm, lãi suất ngân hàng cao, kinh doanh không có hiệu quả, và mức độ rủi ro cao. Về sản lượng bán lẻ xăng dầu Công ty vẫn duy trì mức bán ổn định ở cả 2 cửa hàng tại Gò Vấp và Long An.

b) Về doanh thu:

- Tổng doanh thu toàn Công ty đạt 136% kế hoạch và bằng 94% so với năm 2012 do doanh thu của tàu Long Phú 10.
- Doanh thu vận tải đạt cao nhưng doanh thu ngành cơ khí sửa chữa không đạt do không có sản phẩm đóng mới.

c) Về lợi nhuận:

Mặc dù sản lượng, doanh thu đều đạt cao do đầu tư thêm tàu Long Phú 10 nhưng cũng chính vì dự án đầu tư tàu Long Phú 10 trong những năm đầu khai thác rất khó khăn do chi phí tài chính nên chưa có lợi nhuận ngay được. Toàn Công ty đã nỗ lực rất lớn để đạt lợi nhuận 103%/KH do Đại hội đồng cổ đông giao.

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Danh sách Ban điều hành:

Ông PHAN VĂN KỶ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12-09-1957
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 32-33L, Khu Miếu Nổi, P.3, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 35121780

- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
 - + 3/1975 – 5/1981 : Quân nhân, công tác tại hạm đội 171 Hải quân.
 - + 6/1981 – 9/1999 : Sĩ quan hàng hải, Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp đường sông Công ty VITACO.
 - + 10/1999 đến 4/2002 : Phó Giám đốc Công ty.
 - + 4/2002 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex.
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần: 28.176 cổ phiếu chiếm 0.29%

Bà ĐẶNG THỊ XUÂN HƯƠNG: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1968
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thuận An, Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 81/9 Nguyễn Đình Chiểu, Q3, TP HCM
- Số điện thoại liên lạc : 38405249, 0903625165
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Tài chính
- Quá trình công tác :
 - + 1990 đến 1995: Công tác tại Phòng Kế toán Xí nghiệp sửa chữa thuộc Công ty VITACO
 - + 1995 đến 1999: Công tác tại Phòng kế toán Xí nghiệp vận tải xăng dầu đường sông thuộc Công ty VITACO
 - + 1999 đến 12/2009: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
 - + 12/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Cty
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Chủ tịch Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải Petrolimex.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : 11.200 cổ phiếu chiếm 0,12%

Ông BUI HOÀNG HẢO: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng hành Chánh – Nhân sự Công ty

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06-06-1960
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 96 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM
- Quê quán: Quảng Nam
- Số ĐT liên lạc: 08.38991101 - 0932189202
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Lao động- Tiền lương.
- Quá trình công tác:
- + Từ 01/1984 đến 04/1987 - Chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính Công ty vận tải nhiên liệu VITACO
- + Từ 5/1987 đến 09/ 1992 - Trưởng ban nhân chính, Xí nghiệp dịch vụ đóng tàu Bình Chánh, VITACO
- + Từ 10/1992 đến 09/1995 - Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành Chánh xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
- Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành Chánh công ty CP. vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
- + Từ 10/1995 đến 03/2004 - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chánh công ty CP. Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex PJTACO.
- + Từ 04/2004 đến nay - Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng Hành chánh – Nhân sự Công ty
- Chức vụ công tác hiện nay Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng hành chánh – Nhân sự Công ty cổ phần vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex, Chủ tịch Công đoàn.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : Không có

Ông ĐỖ VĂN LONG: Thành viên HĐQT – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV đóng tàu và thương mại Petrolimex (Công ty con).

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25-06-1962
- Nơi sinh : Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 8A/A17 Thái Văn Lung, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 37266326 - 0903918047
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đóng tàu thủy

- Quá trình công tác :
 - + 1987 – 1989 : Tổ phó tổ thợ hàn
 - + 1989 – 1992 : Kỹ sư - Chủ nhiệm công trình
 - + 1992 – 1999 : Quản đốc Xưởng Phú Xuân
 - + 1999 – 2002 : Quản đốc Xưởng Bình Chánh
 - + 2002 – 2007 : Giám đốc XN Đóng tàu – Thương mại Petrolimex
 - + 2008 – nay : Giám đốc Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : 32.042 cổ phiếu chiếm 0.33%

2. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

Tiền lương: Trả lương theo hệ số chức danh (quy định chức danh của Nhà Nước) và theo kết quả kinh doanh của Công ty.

Tiền thưởng: Tiền thưởng trích từ quỹ khen thưởng của Công ty.

Các quyền lợi khác: Ban Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT được hưởng mức thù lao của thành viên HĐQT do Đại Hội đồng cổ đông quyết định hàng năm.

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ, nhân viên năm 2013: 396 người

Chính sách đối với cán bộ, nhân viên: Thực hiện đầy đủ các quyền lợi cho người theo quy định của Nhà Nước và thu nhập của người lao động được trả theo năng suất lao động.

4. Chính sách lương thưởng:

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Qui chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ, lao động làm việc tích cực, sáng tạo. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở Đơn giá tiền lương được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng năm. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầy đủ. Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

5. Chính sách đào tạo:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động

SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm giảng dạy. Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc:

3.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 nhất trí thông qua:

- Ông Trần Kỳ Hạnh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2011 - 2015.

- Ông Phạm Việt Khoa trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2011-2015.

3.2. Hội đồng quản trị thống nhất bầu: Ông Phan Văn Kỳ giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty.

3.3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm: Ông Bùi Hoàng Hào, trưởng phòng Hành Chánh – Nhân sự giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ – TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

Triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 và năm 2013 về phê duyệt chủ trương đầu tư mua nhập khẩu tàu biển trọng tải dưới 10.000 DWT, Công ty đã hoàn thành dự án và đưa tàu vào khai thác các tuyến biển nội địa và quốc tế. Các thông số kinh tế kỹ thuật cơ bản về tàu đầu tư như sau:

- 1. Tên tàu : M/T EAGLE ASIA 05 nay đổi tên LONG PHÚ 10
- 2. Số IMO : 9203394
- 3. Chủ tàu : Công ty Suntree Shipping S.A., Panama
- 4. Quốc tịch : Panama
- 5. Loại tàu : MT tàu chở dầu/ hóa chất.
- 6. Nơi đóng : Nhật Bản.
- 7. Năm đóng : tháng 12 năm 1998/ 14 tuổi.
- 8. Cấp tàu : Không hạn chế.
- 9. Giá trị đầu tư mua tàu là: **6,3 triệu USD** (*Sáu triệu, ba trăm ngàn Đô la Mỹ*), giá này chưa bao gồm các loại thuế và các khoản phí, lệ phí khác có liên quan đến bên mua tàu theo pháp luật hiện hành; Trong đó:
 - + Vốn Chủ sở hữu : chiếm tỷ lệ 30 %
 - + Vốn vay Ngân hàng : chiếm tỷ lệ 70%

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	140,638,743,172	234,156,556,491	66.5%

Doanh thu thuần	364,085,938,719	354,861,358,333	-2.5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19,513,313,066	10,639,723,313	-45.5%
Lợi nhuận khác	899,593,569	4,278,770,247	375.6%
Lợi nhuận trước thuế	20,412,906,635	14,918,493,560	-26.9%
Lợi nhuận sau thuế	15,383,419,706	11,242,604,976	-26.9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	8%	-33.3%

2. Các chỉ tiêu tài chính:

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.58	1.70	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2.23	1.31	
TSLĐ-HTK/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.23	0.50	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.38	1.20	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bình quân	26.4	25.3	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.6	1.5	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	4.2%	3.2%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	18.3%	11.6%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	10.9%	4.8%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5.4%	3.0%	

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 9.659.902 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 9.593.133 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần hạn chế lưu hành theo quy định của pháp luật: 66.769 cổ phiếu

2. Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông vốn Nhà nước:

STT	CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU SỞ HỮU		Ghi chú
		SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ	

I	Cổ đông Nhà nước	4.947.196	51,21%	
	Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	4.947.196	51,21%	
II	Cổ đông khác	4.712.706	48,79%	

- Cơ cấu cổ đông theo tính chất nguồn vốn:

STT	CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU SỞ HỮU		Ghi chú
		SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ	
I	Trong nước	8.189.479	84,78%	
1	Tổ chức	5.002.690	51,79%	
2	Cá nhân	3.186.789	32,99%	
II	Nước ngoài	1.470.423	15,22%	
1	Tổ chức	1.274.647	13,20%	
2	Cá nhân	195.776	2,02%	

Phần C. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Công tác tổ chức, quản lý điều hành Công ty:

- Thay đổi cả về lượng và chất về qui mô sản xuất kinh doanh của Công ty, chuyển đổi nhanh từ một doanh nghiệp vận tải đường sông thành một doanh nghiệp vận tải đa dạng, chuyên nghiệp gồm vận tải biển vận tải đường sông.

- Được Tập đoàn XDVN và Tổng Công ty đánh giá:

+ Là Công ty có mô hình tổ chức quản lý, điều hành gọn nhẹ, chất lượng.

+ Kết quả SXKD đứng trong top những đơn vị có hiệu quả cao của Tập đoàn và Tổng Công ty với tỷ suất lợi nhuận và các chỉ tiêu kinh tế vượt trội.

+ Được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM Code theo tiêu chuẩn quốc tế của Tổ chức hàng hải thế giới IMO.

+ Đội tàu biển Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn vào Cảng quốc tế Dung Quất.

- Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành Công ty theo nguyên tắc: Tuân thủ các quy định, chuẩn mực của Nhà nước; Quy chế quản lý Công ty; Tiết kiệm, tích lũy nguồn vốn để đầu tư phát triển Công ty nhằm đem lại lợi ích cả trước mắt và lâu dài cho cổ đông.

2. Công tác cán bộ, lao động, tiền lương:

a. Công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực:

- Tuyển dụng, chọn lọc nhân sự đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo thỏa mãn các công ước, điều kiện khai thác an toàn theo quy định.

- Tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập về nghiệp vụ an toàn, an ninh theo tiêu chuẩn quốc tế cho cán bộ, thuyền viên.

b. Công tác lao động, tiền lương:

- Năm 2013, số lượng lao động giảm chủ yếu là ở các tàu thanh lý. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 7,671 triệu đồng/người/tháng đạt 128% và cao hơn 15% so năm 2012.

- Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần và thực hiện các chế độ theo quy định pháp luật, đảm bảo sức khỏe, lợi ích khác cho người lao động.

3. Công tác quản lý an toàn, pháp chế hàng hải:

- Duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn của Bộ luật ISM của Tổ chức hàng hải thế giới (IMO). Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn hàng hải, phòng chống cháy nổ của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng Công ty và Công ty.

- Phối hợp với các đơn vị, khách hàng tổ chức diễn tập cứu sinh, cứu hỏa, xử lý các tình huống khẩn cấp.

4. Công tác quản lý kỹ thuật và đầu tư phát triển:

a) Thực hiện chiến lược tái cơ cấu đội tàu:

- Bán thanh lý tàu biển Long Phú 02 (trọng tải 596 tấn) và 3 tàu sông Hàm Luông 05,06,07 (tổng trọng tải 1.660 tấn). Hiện nay Công ty đang quản lý, khai thác 7 tàu biển tổng trọng tải 21.391 tấn, 12 tàu sông trọng tải 11.835 tấn.

- Cuối tháng 4/2013, tàu Long Phú 10 đi vào hoạt động, năng lực vận tải đội tàu biển tăng 50%.

- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2013, tháng 4/2013 Công ty đã hoàn thành dự án đầu tư tàu Long Phú 10 trọng tải 7.725 DWT, giá trị đầu tư 6,3 triệu USD trong đó vốn chủ sở hữu chiếm 30% và vốn vay Ngân hàng là 70%. Tàu đi vào hoạt động, năng lực vận tải đội tàu biển tăng 50%.

b) Công tác quản lý kỹ thuật, vật tư:

- Công tác quản lý kỹ thuật, vật tư được tổ chức thực hiện theo các quy định và thông lệ tốt nhất nhằm tiết giảm chi phí về nguyên, nhiên, vật liệu tăng hiệu quả kinh doanh.

- Công tác sửa chữa lớn các tàu được thực hiện một cách khoa học, chặt chẽ, Việc nghiệm thu công trình được thực hiện với yêu cầu nghiêm ngặt của Đăng kiểm NK và Đăng kiểm VR.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng, thay mới, cấp mới các trang thiết bị hành hải, phòng cháy chữa cháy, an toàn, an ninh, cứu sinh, cứu hỏa; hệ thống công nghệ làm hàng, hệ thống thông tin liên lạc... luôn được quan tâm thực hiện quá trình tác nghiệp hàng hóa và điều động tàu.

5. Công tác quản lý tài chính kế toán:

- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được bảo toàn và phát triển, không phát sinh nợ khó đòi, không để xảy ra mất an toàn về tài chính. Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, góp phần tăng thu nhập tài chính. Thực hiện tốt việc thu xếp vốn cho công tác đầu tư tài sản.

- Áp dụng các chuẩn mực của Nhà nước, các định mức kinh tế kỹ thuật vào quá trình quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty; Minh bạch hóa thu chi, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

6. Hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội ở Công ty:

- Đảng bộ Công ty là hạt nhân lãnh đạo, luôn phối kết hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban chấp hành Công đoàn và Đoàn thanh niên lãnh đạo đoàn viên và người lao động thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nhiệm vụ chính trị xã hội khác của Công ty.

- Năm 2013, Công ty được Tập đoàn, Tổng Công ty xét đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3 cho tập thể Cán bộ, lao động Công ty để ghi nhận những thành tích đã đạt được trong 5 năm vừa qua.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH – CÔNG NỢ:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2012
A. Tình hình tài chính			
I. Tổng tài sản	đồng	234,156,556,491	140,638,743,172
1. Tài sản ngắn hạn	"	63,691,200,452	81,805,224,983
2. Tài sản dài hạn	"	170,465,356,039	58,833,518,189
II. Tổng nguồn vốn	"	234,156,556,491	140,638,743,172
III. Nợ phải trả	"	116,226,951,493	31,741,743,150
IV. Vốn chủ sở hữu	"	117,929,604,998	108,897,000,022
B. Kết quả hoạt động kinh doanh	"		
1. Tổng doanh thu	"	367,306,687,720	370,523,438,658
2. Tổng chi phí	"	352,388,194,160	350,110,532,023
2. Tổng lãi (+), lỗ (-)	"	14,918,493,560	20,412,906,635
3. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	"	11,242,604,976	15,383,419,706
C. Các chỉ tiêu đánh giá khác			
1. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán chung	Lần	2.0	4.4
- Khả năng thanh toán hiện hành	"	1.7	2.58
- Khả năng thanh toán nhanh	"	1.31	2.23
2. Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4.20%	5.61%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	"	3.17%	4.23%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6.37%	14.51%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	"	4.80%	10.94%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	"	11.64%	18.31%
3. Hệ số nợ (Nợ phải trả/Tổng TS)		0.50	0.23

III. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH:

1. Định hướng kinh doanh:

- Năm 2014 dự báo tình hình kinh doanh tiếp tục gặp khó khăn, Công ty xây dựng kế hoạch năm 2014 dựa trên nền tảng thị trường Petrolimex, phấn đấu nâng cao sản lượng ra các đơn vị ngoài hệ thống Petrolimex như Saigon Petro, Petro Việt Nam, Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, Xăng dầu Quân đội và các Công ty xăng dầu tại Campuchia đồng thời tiết giảm chi phí hợp lý nhằm giữ thị trường kinh doanh ổn định và tăng trưởng.

2. Đối tác chiến lược:

- Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex và các đơn vị trong cùng hệ thống làm nền tảng đưa Công ty phát triển mạnh cả về lượng và chất.

- Thận trọng trong kinh doanh thương mại, chọn lọc đối tác, khách hàng, đảm bảo có lợi nhuận và an toàn về tài chính.

3. Nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp để hình thành một hệ thống ổn định và vững chắc.

- Đội ngũ quản lý phải tiếp cận những quan điểm, tư tưởng và phương pháp quản trị tiên tiến, hiện đại, từ đó nâng cao năng lực lãnh đạo - quản lý - điều hành, có tầm nhìn chiến lược, tư duy năng động, đổi mới, thích nghi với môi trường để đáp ứng nhiệm vụ chiến lược phát triển của Công ty trong nền kinh tế hội nhập.

4. Công tác đầu tư, phát triển công ty:

Chủ động điều chỉnh đầu tư theo hướng tối ưu hóa nguồn vốn tự có, tích lũy tăng nguồn vốn làm đối ứng để vay vốn ngân hàng cho dự án đầu tư tàu biển.

5. Về định hướng tài chính doanh nghiệp

- Xây dựng một hệ thống tài chính lành mạnh, minh bạch và quản lý rủi ro được kiểm soát chặt chẽ.

- Đổi mới sắp xếp lại doanh nghiệp, Công ty sẽ tập trung vốn vào ngành kinh doanh chính là: Vận tải xăng dầu.

6. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014:

- Căn cứ những dự đoán của thị trường, nhận thức trách nhiệm trước Cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2014 do Tổng Giám đốc xây dựng với những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014
1	Tổng doanh thu:	Triệu đồng	324.800
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	15.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc điều hành sản xuất kinh doanh của Ban quản lý điều hành định kỳ, đột xuất, chương trình hành động cụ thể về tiêu chí sản lượng, doanh thu, hiệu quả, bảo toàn vốn, lợi nhuận.

- Tiếp tục thực hiện tuyển dụng, đào tạo, chọn lọc cán bộ, sỹ quan, thuyền viên để chuẩn bị nguồn nhân lực cho đầu tư tàu mới và theo yêu cầu của Công ước lao động hàng hải quốc tế do đó số lao động tăng 11% so 2013.

- Duy trì thực hiện Hệ thống QLAT theo tiêu chuẩn của Bộ luật ISM Code. Tổ chức giám sát, rà soát trong quá trình hoạt động sản xuất nhằm đảm bảo an toàn cả về con người, hàng hóa, phương tiện, đơn vị cơ sở sản xuất.

- Thực hiện kế hoạch giải bán những con tàu không còn phù hợp về tuổi tàu, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và nhu cầu thị trường. Tích lũy các nguồn lực về tài chính, nhân sự, quản lý để tiếp tục thực hiện kế hoạch tái cơ cấu và phát triển đội tàu.

- Tiếp tục ứng dụng hệ thống nhận diện thương hiệu Petrolimex, củng cố và phát triển uy tín thương hiệu PJTACO tại Việt Nam và Campuchia.

- Tăng cường công tác bảo đảm an sinh xã hội đối với người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng.

Phần D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Ngày 30/3/2013 Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2013.

- Trong năm 2013, HĐQT có 03 phiên họp và có 08 lần lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản để ra Nghị quyết.

- Phê duyệt và triển khai thực hiện Quy hoạch tái cơ cấu đội tàu theo hướng nâng cao chất lượng, trẻ hóa đội tàu, giải bán các tàu già, kém hiệu quả để bổ sung nguồn vốn đầu tư và phát triển SXKD của Công ty.

- Công ty đã hoàn thành dự án đầu tư tàu biển chở dầu EAGLE ASIA 05 (nay đổi tên thành LONG PHÚ 10). Giá trị đầu tư 6,3 triệu USD trong đó vốn chủ sở hữu chiếm 30%, vốn vay ngân hàng chiếm 70%. Tàu EAGLE ASIA 05 là tàu đầu tiên của Công ty có khả năng tham gia vận tải xăng dầu tuyến quốc tế.

- Công ty đã bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty. Quy chế quản trị nội bộ để phù hợp quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các Công ty TNHH một thành viên trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy chế, quy định và các định mức của Công ty, HĐQT sử dụng bộ máy quản lý của Công ty mẹ để kiểm tra. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trách nhiệm được giao.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT:

Năm 2014, vẫn sẽ là một năm với nhiều thử thách đối với doanh nghiệp, dự đoán tình hình kinh tế trong nước lãi suất tăng cao, lạm phát, thắt chặt tín dụng...Thị trường và môi trường kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Trong bối cảnh này, Hội đồng Quản trị xác định giải pháp thực hiện

- Theo dõi, quản lý và chỉ đạo sát sao những hoạt động SXKD của Công ty đặc biệt quan tâm lĩnh vực vận tải biển, đồng thời phối hợp với Ban Tổng Giám đốc trong việc nghiên cứu, tìm các giải pháp phát để phát triển thị trường.

- Duy trì sự phối hợp tốt giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, theo dõi và giải quyết các công việc của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm nâng cao vai trò, hiệu quả của HĐQT, đồng thời đáp ứng kịp thời các yêu cầu đầu tư và SXKD của Công ty.

- Tiếp tục xem xét, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự cấp cao của Công ty nhằm hoàn thiện hơn mô hình hoạt động của Công ty cổ phần, bảo đảm sự phù hợp và hiệu quả nhất, tạo điều kiện để phát triển bền vững Công ty.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung, sửa đổi các quy chế nội bộ Công ty như Quy chế Quản trị, Quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trong công tác quản lý.

Phần Đ. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (HĐQT):

1. Thành viên HĐQT: 05 người:

- Ông Phan Văn Kỳ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty, tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,29%

- Ông Nguyễn Quang Hiếu: Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,24%

- Ông Phạm Việt Khoa : Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0%

- Ông Đỗ Văn Long : Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,33%

- Bà Đặng Thị Xuân Hương: Thành viên HĐQT tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,12%

2. Số thành viên HĐQT không điều hành: 02 người là Ông Nguyễn Quang Hiếu và Ông Phạm Việt Khoa

+ Ông Nguyễn Quang Hiếu hiện nay là Trưởng phòng Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, là thành viên của nhóm đại diện quản lý phần vốn Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex tại Công ty.

+ Ông Phạm Việt Khoa hiện là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, là thành viên của nhóm đại diện quản lý phần vốn Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex tại Công ty.

- Khả năng thực hiện trách nhiệm của HĐQT: Hoàn thành tốt trách nhiệm được giao.

- Các tiểu ban trong HĐQT: Công ty không thành lập tiểu ban giúp việc, Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy quản lý của Công ty mẹ và Thư ký Công ty thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT giao.

- Quyền lợi của thành viên HĐQT: không có giao dịch kinh doanh với Công ty.

II. BAN KIỂM SOÁT: 03 người trong đó 02 người không tham gia điều hành.

- Ông Nguyễn Tiến Dũng: Trưởng ban tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0%

- Ông Phạm Ngọc Sinh : Kiểm soát viên tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,28%

- 01 người tham gia bộ máy quản lý của Công ty là Ông Nguyễn Duy Hải: Kiểm soát viên, Trưởng phòng Khai thác tàu biển của Công ty, tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0,12%

- Hoạt động của Ban Kiểm soát: Thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo điều lệ công ty và luật doanh nghiệp, thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty; Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và có ý kiến đề xuất kịp thời cho Hội đồng quản trị.

II. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Diễn giải	Số người	Hệ số thù lao cho từng chức danh hàng tháng	Số tiền đã chi thù lao năm 2013 (đồng)
1	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	05	3,3	281.721.956
	CHỦ TỊCH HĐQT	01	0,9	74.295.840
	THÀNH VIÊN HĐQT	04	0,6	207.426.116
2	BAN KIỂM SOÁT	03	1,2	107.202.021
	TRƯỞNG BAN	01	0,6	51.856.529
	THÀNH VIÊN BKS	02	0,3	55.345.492
	Tổng cộng	08	4,5	388.923.977

Phần E. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01
CƠ
CƠ
TÀI
QUẢN
ĐET
TINA

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước - Xi nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vltaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 15 ngày 10 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ số hữu
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex (*)			
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

(*) : Trong năm, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex (Công ty con) đã hoàn thành thủ tục giải thể theo Thông báo số 146873/13, ngày 13/06/2013 của Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kỳ Hạnh	Chủ tịch	Đến ngày 05/04/2013
Ông Phan Văn Kỳ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/04/2013
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2013

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Văn Kỳ	Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2014

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 06 tháng 03 năm 2014



Phạm một Ban Tổng Giám đốc

PHAN VĂN KỶ

Tổng Giám đốc



Số: 76/BCKTHN/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được lập ngày 06 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 03 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó-Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Chứng nhận đăng ký hành nghề số:
0547-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Cúc

Chứng nhận đăng ký hành nghề số:
0700-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. Tài sản ngắn hạn	100		63.691.200.452	81.805.224.983
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	21.309.274.337	49.703.623.550
1. Tiền	111		8.809.274.337	8.903.623.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.500.000.000	40.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.387.230.889	20.113.877.961
1. Phải thu khách hàng	131		23.932.129.330	20.443.894.504
2. Trả trước cho người bán	132		415.664.507	136.400.800
3. Các khoản phải thu khác	135	V.02	3.471.919.870	703.787.443
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(432.482.818)	(1.170.204.786)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	14.742.982.844	11.073.334.298
1. Hàng tồn kho	141		14.742.982.844	11.073.334.298
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		251.712.382	914.389.174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		76.572.696	122.386.250
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.583.800	422.525.145
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.04	17.955.886	16.516.437
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	135.600.000	352.961.342
B. Tài sản dài hạn	200		170.465.356.039	58.833.518.189
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		170.095.659.864	58.495.216.189
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	170.095.659.864	58.468.355.721
- Nguyên giá	222		240.031.289.543	109.889.722.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.935.629.679)	(51.421.366.905)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	26.860.468
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	327.802.000	327.802.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		327.802.000	327.802.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		41.894.175	10.500.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		31.394.175	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.500.000	10.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		234.156.556.491	140.638.743.172

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả	300		116.226.951.493	31.741.743.150
I. Nợ ngắn hạn	310		37.430.701.493	31.741.743.150
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	14.365.000.000	-
2. Phải trả cho người bán	312		11.658.539.505	12.753.093.895
3. Người mua trả tiền trước	313		9.410.663	902.884.556
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.09	2.114.847.371	3.818.513.904
5. Phải trả công nhân viên	315		6.692.063.698	11.823.490.262
6. Chi phí phải trả	316	V.10	32.888.530	131.715.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	1.897.313.958	2.139.107.765
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		660.637.768	152.937.768
II. Nợ dài hạn	330		78.796.250.000	-
I. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	78.796.250.000	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		117.929.604.998	108.897.000.022
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	117.929.604.998	108.897.000.022
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.599.020.000	84.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		518.666.555	518.666.555
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.317.421.307	5.661.092.513
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.102.992.233	3.333.821.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.291.504.903	15.383.419.706
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		234.156.556.491	140.638.743.172

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	354.861.358.333	364.085.938.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		354.861.358.333	364.085.938.719
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	327.129.476.186	332.185.156.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.731.882.147	31.900.781.895
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.384.317.504	3.146.506.088
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	5.353.458.843	20.160.054
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.299.600.624	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.763.959.699	2.299.560.733
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.359.057.796	13.214.254.130
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.639.723.313	19.513.313.066
11. Thu nhập khác	31	VI.05	11.061.011.883	3.290.993.851
12. Chi phí khác	32	VI.06	6.782.241.636	2.391.400.282
13. Lợi nhuận khác	40		4.278.770.247	899.593.569
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	41		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.918.493.560	20.412.906.635
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	3.675.888.584	5.029.486.929
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.242.604.976	15.383.419.706
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			11.242.604.976	15.383.419.706
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	1.164	1.593


Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Hiền


Đặng Thị Xuân Hương




Phan Văn Kỳ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.918.493.560	20.412.906.635
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	21.392.196.338	12.449.431.304
- Các khoản dự phòng	03	(737.721.968)	278.418.964
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.139.604.421)	(3.141.112.894)
- Chi phí lãi vay	06	4.299.600.624	-
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	34.732.964.133	29.999.664.009
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.918.767.722)	6.971.572.241
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.669.648.546)	3.022.429.374
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.041.322.070)	(2.304.635.646)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	116.818.803	70.111.736
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.864.120.834)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.349.045.941)	(4.989.064.547)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	144.000.000	222.460.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.702.300.000)	(799.152.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.448.577.823	32.193.384.834
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(133.095.059.437)	(28.590.891.185)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.769.090.910	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.370.513.511	3.141.112.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(127.955.435.016)	(25.449.778.291)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	106.161.250.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.742.020)	(7.602.403.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	93.112.507.980	(7.602.403.110)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(28.394.349.213)	(858.796.567)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	49.703.623.550	50.562.420.117
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	21.309.274.337	49.703.623.550

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Phan Văn Kỳ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước - Xi nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 15 ngày 10 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Các công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex (*)			
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

(*) : Trong năm, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex (Công ty con) đã hoàn thành thủ tục giải thể theo Thông báo số 146873/13, ngày 13/06/2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Kinh doanh đại lý mua bán các sản phẩm dầu khí;
- Xây dựng, lắp đặt sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình thủy, kho xăng dầu; kinh doanh xăng dầu cho các tàu biển, tàu sông;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lai dắt tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu;
- Sửa chữa thiết bị, phương tiện đánh bắt thủy sản; đại lý mua bán sản phẩm xăng dầu cho tàu, thuyền nước ngoài. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh); san lấp mặt bằng; dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không xử lý tại thành phố Hồ Chí Minh); ứng cứu tàu tràn.
- Mua bán gas hóa lỏng; mua bán nguyên liệu chế phẩm dầu nhờn; mua bán kim loại màu, sắt thép, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư - thiết bị phục vụ ngành công - nông nghiệp (không hoạt động xuất nhập khẩu thiết bị ngành in, không mua bán thuốc bảo vệ thực vật), sản phẩm nông-lâm-thủy hải sản, phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán dụng cụ, quần áo bảo hộ lao động (trừ tẩy nhuộm), thiết bị phòng cháy chữa cháy; mua bán: than, gỗ, sản phẩm bằng gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ mây tre lá nứa, rượu (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. KỸ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỹ kế toán

Kỹ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của công ty tại đơn vị được đầu tư.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	07- 11 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03- 05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiệu hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	188.248.825	903.432.201
Tiền gửi ngân hàng	8.621.025.512	8.000.191.349
Các khoản tương đương tiền	12.500.000.000	40.800.000.000
Cộng	21.309.274.337	49.703.623.550
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về hao hụt hàng hóa	205.665.349	693.711.369
Công Ty Bảo hiểm PJICO Gia Định	3.196.045.072	
Phải thu khác	70.209.449	10.076.074
Cộng	3.471.919.870	703.787.443
3. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	14.152.073.653	9.606.988.977
Công cụ, dụng cụ	-	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	294.918.221	843.504.579
Hàng hóa	295.990.970	622.840.742
Cộng giá gốc hàng tồn kho	14.742.982.844	11.073.334.298
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế thu nhập cá nhân	17.955.886	16.516.437
Cộng	17.955.886	16.516.437
5. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	135.600.000	352.961.342
Cộng	135.600.000	352.961.342

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	773.407.049	1.461.502.436	100.895.090.701	662.316.528	6.097.405.912	109.889.722.626
Số tăng trong năm	-	-	132.649.216.715	33.336.365	439.346.825	133.121.899.905
- Mua trong năm	-	-	132.649.216.715	33.336.365	-	132.682.553.080
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	439.346.825	439.346.825
Số giảm trong năm	49.295.664	107.633.278	2.260.302.108	466.212.785	96.889.153	2.980.332.988
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.260.302.108	-	-	2.260.302.108
- Giảm khác (*)	49.295.664	107.633.278	-	466.212.785	96.889.153	720.030.880
Số dư cuối năm	724.111.385	1.353.869.158	231.284.005.308	229.440.108	6.439.863.584	240.031.289.543
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	504.802.614	1.023.843.585	47.241.653.315	573.857.062	2.077.210.329	51.421.366.905
Số tăng trong năm	70.551.988	166.881.615	20.568.802.057	35.172.182	550.788.496	21.392.196.338
- Khấu hao trong năm	70.551.988	166.881.615	20.568.802.057	35.172.182	550.788.496	21.392.196.338
Số giảm trong năm	38.372.359	105.032.162	2.260.302.108	379.589.136	94.637.799	2.877.933.564
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.260.302.108	-	-	2.260.302.108
- Giảm khác (*)	38.372.359	105.032.162	-	379.589.136	94.637.799	617.631.456
Số dư cuối năm	536.982.243	1.085.693.038	65.550.153.264	229.440.108	2.533.361.026	69.935.629.679
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	268.604.435	437.658.851	53.653.417.386	88.459.466	4.020.195.583	58.468.355.721
Tại ngày cuối năm	187.129.142	268.176.120	165.733.857.044	-	3.906.502.558	170.095.659.864

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay.
 - TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.
 (*) Giảm khác trong năm là do chuyển sang khoản mục Chi phí trả trước theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, ngày 25/04/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
7. Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư dài hạn khác	327.802.000	327.802.000
+ Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp - 30.560 cổ phần	327.802.000	327.802.000
Cộng	327.802.000	327.802.000
8. Vay và nợ ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	14.365.000.000	-
Cộng	14.365.000.000	-
<i>(*) Là khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - CN Thăng Long theo hợp đồng vay số 084/2013/HĐTĐTDH-PN/SHB.TL, ngày 29/03/2013, lãi suất thả nổi định kỳ 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản. Số dư nợ gốc là 680.000 USD.</i>		
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	862.093.930	1.730.926.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.004.554.285	1.677.711.642
Thuế thu nhập cá nhân	3.649.156	93.676.072
Các loại thuế khác	244.550.000	316.200.000
Cộng	2.114.847.371	3.818.513.904
10. Chi phí phải trả		
Chi phí phải trả khác	32.888.530	131.715.000
Cộng	32.888.530	131.715.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	426.997.230	1.094.034.672
BHXH, BHYT và BHTN	85.664.193	167.751.150
Cổ tức phải trả	491.656.403	540.398.423
Chi phí lãi vay phải trả	435.479.790	-
Nộp dư phải thu về hao hụt hàng hoá	138.288.031	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	144.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	175.228.311	356.923.520
Cộng	1.897.313.958	2.159.107.765

12. Vay và nợ dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	78.796.250.000	-
Cộng	78.796.250.000	-

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013
	VND
Trong vòng một năm	14.365.000.000
Trong năm thứ hai	14.365.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	43.095.000.000
Sau năm năm	21.336.250.000
Tổng cộng	93.161.250.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở thuyết minh số 8)	14.365.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	78.796.250.000

Chi tiết khoản vay dài hạn:

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng số 084/2013/HĐTĐTDH-PN/SHB.TL ngày 29/03/2013 với số tiền 4.410.000 USD (tương đương 93.161.250.000 đồng) nhằm đầu tư cho dự án mua tàu Long Phú 10 tải trọng 7.725 tấn. Thời hạn vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 08 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau thời gian ân hạn, nợ gốc được trả định kỳ 3 tháng/lần bắt đầu từ 05/01/2014. Khoản vay này áp dụng lãi suất cho vay USD thả nổi 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay và đóng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Số dư nợ gốc là 3.730.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU
 ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	518.666.555	4.716.447.655	2.705.994.092	7.516.543.118
Lãi trong năm trước					15.383.419.706
Phân phối lợi nhuận 2011					(7.516.543.118)
- Quỹ đầu tư phát triển			944.644.858		(944.644.858)
- Quỹ dự phòng tài chính				627.827.156	(627.827.156)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi					(904.071.104)
- Chia cổ tức					(5.040.000.000)
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	518.666.555	5.661.092.513	3.333.821.248	15.383.419.706
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	518.666.555	5.661.092.513	3.333.821.248	15.383.419.706
Tăng vốn trong năm nay (*)					
- Phát hành cổ phiếu thường	2.519.490.000		(2.519.490.000)		
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.079.530.000				
Lợi nhuận lũy kế trong năm					
Phân phối lợi nhuận					
- Quỹ đầu tư phát triển			2.324.248.721		
- Quỹ dự phòng tài chính				769.170.985	
- Quỹ khen thưởng phúc lợi					11.242.604.976
- Quỹ thưởng ban điều hành					(15.382.949.706)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu					(2.324.248.721)
Thặng(Giảm) khác (**)			(148.429.927)		(769.170.985)
Số dư cuối năm nay	96.599.020.000	518.666.555	5.317.421.307	4.102.992.233	11.391.501.903

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(*) Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức với số tiền bằng 12% vốn điều lệ (tương đương 1.007.953 CP) và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 3% vốn điều lệ (tương đương 251.949 CP) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 05/04/2013.

(**): Là chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để giảm lỗ lũy kế của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Vận tải Petrolimex (công ty con) tại ngày giải thể của Công ty này.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2013		01/01/2013	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Tổng Công ty Vận Tài Thủy Petrolimex (*)	51,21%	49.471.960.000	51,21%	43.019.100.000
Vốn góp của các đối tượng khác	48,79%	47.127.060.000	48,79%	40.980.900.000
Cộng	100%	96.599.020.000	100%	84.000.000.000

(*): Theo Quyết định số 294/PLX-QĐ-HĐQT ngày 13/06/2013 Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam đã thực hiện chuyển giao quyền đại diện vốn sở hữu nhà nước tại Công ty sang cho Tổng Công ty Vận Tài Thủy Petrolimex

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	12.599.020.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	96.599.020.000	84.000.000.000
Cổ phiếu thưởng, cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.599.020.000	5.040.000.000
Trong đó: - Phát hành cổ phiếu thưởng	2.519.490.000	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.079.530.000	-

d) Cổ phiếu	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	9.659.902	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	9.659.902	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.659.902	8.400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.659.902	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.659.902	8.400.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	70.758.428.358	100.085.043.478
Doanh thu cung cấp dịch vụ	284.102.929.975	264.000.895.241
Cộng	354.861.358.333	364.085.938.719
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	68.590.455.796	96.892.711.368
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	258.539.020.390	235.292.445.456
Cộng	327.129.476.186	332.185.156.824
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.321.617.511	3.122.776.894
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.896.000	18.336.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.803.993	5.393.194
Cộng	1.384.317.504	3.146.506.088
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	4.299.600.624	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.053.858.219	20.160.054
Cộng	5.353.458.843	20.160.054
5. Thu nhập khác		
Thu tiền bán phế liệu	500.952.001	192.175.454
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.769.090.910	-
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	5.204.227.966	1.793.073.887
Lãi chậm thanh toán	183.125.455	-
Thu nhập khác	1.403.615.551	1.305.744.510
Cộng	11.061.011.883	3.290.993.851
6. Chi phí khác		
Chi phí bán phế liệu	500.983.063	192.175.454
Chi phí bồi thường	5.005.603.422	1.726.163.056
Chi phí khác	1.275.655.151	473.061.772
Cộng	6.782.241.636	2.391.400.282

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.
 Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.918.493.560	20.412.906.635
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(179.718.147)	1.086.379.034
- Các khoản điều chỉnh tăng	853.972.119	1.104.715.034
+ Chi phí không được khấu trừ	853.972.119	1.104.715.034
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.033.690.266)	(18.336.000)
+ Có tác, lợi nhuận được chia	(48.896.000)	(18.336.000)
+ Hoàn nhập chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(984.794.266)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	14.738.775.413	21.499.285.669
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.675.888.584</u>	<u>5.029.486.929</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.242.604.976	15.383.419.706
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	11.242.604.976	15.383.419.706
Số CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	9.659.902	9.659.902
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	<u>1.164</u>	<u>1.593</u>

(*): Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm trước và Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thường và chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2013.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	157.038.932.792	144.829.063.136
Chi phí nhân công	37.060.733.218	49.188.550.090
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.392.196.338	12.449.451.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.488.003.413	37.545.118.837
Chi phí khác bằng tiền	3.133.585.766	2.599.872.009
Tổng cộng	<u>271.113.451.527</u>	<u>246.612.055.376</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

	Năm nay VND
1/ Chuyển TSCĐ có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng sang khoản mục chi phí trả trước theo Thông tư 45/2013/TT-BTC. Trong đó:	
- Nguyên giá	720.030.880
- Hao mòn lũy kế	(617.631.456)
- GTCL	102.399.424
2/ Tăng vốn góp của chủ sở hữu bằng CP thưởng và chia cổ tức bằng CP	12.599.020.000
- Phát hành Cổ phiếu thưởng	2.519.490.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.079.530.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Bên liên quan	Doanh thu vận tải	182.075.858.190
		Doanh thu bán hàng	2.373.019.517
		Doanh thu sửa chữa	1.043.938.800

Cho đến ngày 31/12/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Bên liên quan	Phải thu cước vận tải	10.910.685.859

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng, và các khoản phúc lợi khác	1.776.341.771	1.679.671.483

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải và dịch vụ sửa chữa, do đó báo cáo tài chính bộ phận trong năm được phân theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Ngân VND

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	70.758.428	259.695.828	27.990.975	358.445.231
Doanh thu giữa các bộ phận	-	(990.900)	(2.592.973)	(3.583.873)
Gia vốn	68.590.456	236.128.779	22.410.241	327.129.476
Lợi nhuận gộp	2.167.972	22.576.149	2.987.761	27.731.882
Chi phí bán hàng & CPQL	1.901.258	9.403.119	1.818.641	13.123.018
Kết quả hoạt động kinh doanh	266.714	13.173.030	1.169.120	14.608.864
Doanh thu tài chính				1.384.318
Chi phí tài chính				5.353.459
Thu nhập khác				11.061.012
Chi phí khác				6.782.242
CP thuế TNDN				3.675.889
Tổng lợi nhuận sau thuế				11.242.605

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: Ngân VND

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tài sản bộ phận	693.315	215.459.304	17.634.241	233.786.860
Các khoản đầu tư				327.802
Tài sản không phân bổ				41.894
Tổng Tài sản				234.156.556
Nợ phải trả bộ phận		108.274.908	5.394.091	113.668.999
Nợ phải trả không phân bổ				2.557.952
Tổng Nợ phải trả				116.226.951

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: Ngàn VND

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	99.781.919	236.041.281	35.343.947	371.167.147
Doanh thu giữa các bộ phận	-	(159.091)	(6.922.117)	(7.081.208)
Giá vốn	96.587.819	209.738.869	25.858.469	332.185.157
Lợi nhuận gộp	3.194.100	26.143.321	2.563.361	31.900.782
Chi phí bán hàng & CPQL	2.420.391	10.661.612	2.431.812	15.513.815
Kết quả hoạt động kinh doanh	773.709	15.481.709	131.550	16.386.967
Doanh thu tài chính				3.146.506
Chi phí tài chính				20.160
Thu nhập khác				3.290.994
Chi phí khác				2.391.400
CP thuế TNDN				5.029.487
Tổng lợi nhuận sau thuế				15.383.420

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Đơn vị tính: Ngàn VND

	Kinh doanh Xăng dầu	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa	Hợp nhất
Tài sản bộ phận	1.869.670	120.071.118	18.359.654	140.300.441
Các khoản đầu tư				327.802
Tài sản không phân bổ				10.500
Tổng Tài sản				140.638.743
Nợ phải trả bộ phận		21.887.347	7.569.027	29.456.374
Nợ phải trả không phân bổ				2.285.369
Tổng Nợ phải trả				31.741.743

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU
 ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
 322 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.309.274.337	49.703.623.550	21.309.274.337	49.703.623.550
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.971.566.382	19.977.477.161	26.971.566.382	19.977.477.161
Các khoản ký quỹ, ký cược	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	327.802.000	327.802.000	327.802.000	327.802.000
Cộng	48.619.142.719	70.919.402.711	48.619.142.719	70.919.402.711
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	93.161.250.000	-	93.161.250.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	13.128.856.233	13.818.166.988	13.128.856.233	13.818.166.988
Chi phí phải trả	32.888.530	131.715.000	32.888.530	131.715.000
Cộng	106.322.994.763	13.949.881.988	106.322.994.763	13.949.881.988

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Triển mạt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản ánh xếp xỉ với giá trị ghi số do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bất quá trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM), hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tới thời điểm 31/12/2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi số.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có chi (tổng) lãi để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

ĐẠI BIỂU QUẢN LÝ

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

	31/12/2013
	VND
TSCĐ hữu hình - Phương tiện vận tải	124.417.246.267
Cộng	124.417.246.267

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ trên 01 năm đến 05 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm	27.526.744.763	57.460.000.000	21.336.250.000	106.322.994.763
Các khoản vay	14.365.000.000	57.460.000.000	21.336.250.000	93.161.250.000
Phải trả người bán	11.658.539.505	-	-	11.658.539.505
Phải trả khác	1.470.316.728	-	-	1.470.316.728
Chi phí phải trả	32.888.530	-	-	32.888.530
Số đầu năm	13.949.881.988	-	-	13.949.881.988
Các khoản vay	-	-	-	-
Phải trả người bán	12.753.093.895	-	-	12.753.093.895
Phải trả khác	1.065.073.093	-	-	1.065.073.093
Chi phí phải trả	131.715.000	-	-	131.715.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ có thể phát sinh từ việc công ty có khoản tiền vay dài hạn bằng tiền USD. Tuy nhiên, mức độ biến động về tỷ giá giữa VND và USD trong tương lai gần được công ty đánh giá là ở mức độ chấp nhận được.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Xuân Hương



Tổng Giám đốc

Phan Văn Kỳ

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Văn Kỳ